

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, Tc con chung
giữa chị N và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phấn

Ông Vũ Xuân Thùy

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trinh - **Kiểm sát viên**.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST – HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64 /2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc L, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm G, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị N có mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Trịnh Ngọc L kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 20/11/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị đã về nhà mẹ đẻ từ

29/02/2024. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: vợ chồng có 2 con chung là cháu **Trịnh Ngọc Thảo C**, sinh ngày 20/9/2013; cháu **Trịnh Ngọc Hồng N1**, sinh ngày 01/11/2015. Quan điểm của chị N là xin được nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chỉ được nuôi 1 con thì cháu nào cũng được. Nếu anh đi lấy vợ đối xử không tốt với con thì phải chuyển con cho chị nuôi

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh **Trịnh Ngọc L** vắng mặt tại phiên tòa song đã có lời khai trình bày: Anh công nhận việc kết hôn như chị đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì trong cuộc sống cũng hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh L đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Vợ chồng có 2 con chung là cháu **Trịnh Ngọc Thảo C**, sinh ngày 20/9/2013; cháu **Trịnh Ngọc Hồng N1**, sinh ngày 01/11/2015. Quan điểm của anh L là nếu ly hôn anh xin nhận quyền nuôi 02 cháu không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chỉ được nuôi 1 con anh xin nuôi cháu C còn nhường chị nuôi cháu N1. Nếu chị đi lấy chồng thì phải giao con cho anh nuôi cả.

Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết .

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự: Xử cho ly hôn giữa chị **Vũ Thị N** và anh **Trịnh Ngọc L**. Giao anh L nuôi cháu **Trịnh Ngọc Thảo C**, sinh ngày 20/9/2013, giao chị N nuôi cháu **Trịnh Ngọc Hồng N1**, sinh ngày 01/11/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Vũ Thị N** và anh **Trịnh Ngọc L** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm

sống thiếu tôn trọng nhau. Bản thân anh mong muốn chị đoàn tụ nhưng chưa có biên pháp thuyết phục chị vui vẻ quay về, chị thì kiên quyết ly hôn. Xét thấy chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: Anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả hai con không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con, nếu được nuôi có 01 con thì anh xin nuôi cháu **C**. Hội đồng thấy quyền trực tiếp nuôi con là quyền của hai bên cho nên giao cho anh chị mỗi người trực tiếp nuôi 01 con, song cháu **C** đã lớn nên để anh nuôi, cháu **N1** giao cho chị nuôi là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **Vũ Thị N** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Vũ Thị N** và anh **Trịnh Ngọc L**;

2. Về con chung: Giao anh **L** trực tiếp nuôi cháu **Trịnh Ngọc Thảo C**, sinh ngày 20/9/2013, giao chị **N** trực tiếp nuôi cháu **Trịnh Ngọc Hồng N1**, sinh ngày 01/11/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Vũ Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000131** ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Vũ Thị N** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Trịnh Ngọc L** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh